
ẢNH HƯỞNG CỦA LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Hoàng Vũ Quang

Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn

Email: hoangvuquang@hotmail.com

Mã bài: JED - 192

Ngày nhận: 01/06/2021

Ngày nhận bản sửa: 07/07/2021

Ngày duyệt đăng: 12/07/2021

Tóm tắt:

Bài báo trình bày kết quả đánh giá ảnh hưởng của liên kết chuỗi giá trị đối với sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp. Nghiên cứu đã khảo sát 64 hợp tác xã, trong đó có 38 hợp tác xã nông nghiệp và 175 thành viên có tham gia liên kết. Nghiên cứu cho thấy tham gia liên kết chuỗi giá trị mang đến cho hợp tác xã các lợi ích như: (i) mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; (ii) tăng doanh thu, thu nhập; (iii) nâng cao năng lực của cán bộ quản lý hợp tác xã; (iv) nâng cao vai trò, vị thế của hợp tác xã với thành viên; (v) tạo thuận lợi cho hợp tác xã trong việc nhận được các hỗ trợ của Nhà nước. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tỷ lệ rất cao các thành viên đánh giá hợp tác xã đã thực hiện tốt hoặc rất tốt vai trò trong liên kết chuỗi giá trị. Như vậy, các giải pháp thúc đẩy hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi giá trị là một cách tiếp cận tốt để phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: Hợp tác xã, liên kết, chuỗi giá trị, ảnh hưởng.

Mã JEL: Q13

Influence of value chain linkage toward the development of agricultural cooperatives

Abstract:

This research presents the result of an assessment of the influence of value chain linkage to the development of an agricultural cooperative. The study has surveyed 64 agricultural cooperatives, in which 38 cooperatives and 175 cooperative members participating in value chain linkage. The results show that the participation in the value chain linkage brings positive interests for agricultural cooperatives such as: (i) enlargement of cooperative's business activities; (ii) increased turnover and income; (iii) improved capacity of cooperative's managers; (iv) improving the role, position of cooperatives toward their members; (v) facilitating the cooperatives in benefiting public supports. The study also indicates that a very high rate of cooperative members appreciates the cooperatives in good or very good implementation of cooperatives in value chain linkage. Consequently, the solutions promoting agricultural cooperatives to participate in value chain linkage is a good approach for developing agricultural cooperatives in Vietnam.

Keywords: Agricultural cooperative, linkage, value chain, influence.

JEL code: Q13

1. Đặt vấn đề

Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ hộ nông dân quy mô nhỏ tiếp cận thị trường, dịch vụ, tham gia chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ và thụ hưởng các hỗ trợ của nhà nước (Thapa & Gaiha, 2011; Bijman & cộng sự, 2011; Stockbredge & cộng sự, 2003; Hoàng Vũ Quang, 2018; Fischer & Qaim, 2012). Vì vậy nhiều nước có chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Thái Lan, Nhật Bản đã thành lập lực lượng tư vấn phát triển hợp tác xã nông nghiệp (Hoàng Vũ Quang, 2019). Nam Phi đã tạo điều kiện cho hợp tác xã nông nghiệp phát triển thông qua trao quyền cho hợp tác xã (HTX) trong thương mại nông sản (Ortmann & King, 2007). Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc đã

ủy quyền cho hợp tác xã nông nghiệp thực hiện nhiều dịch vụ công phục vụ hộ nông dân (Đặng Kim Sơn, 2007; Phan Trọng An, 2010). Như vậy, phát triển hợp tác xã nông nghiệp sẽ góp phần quan trọng vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Sự phát triển của một hợp tác xã chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: năng lực của người đứng đầu hợp tác xã (Garnevska & cộng sự, 2011; Bratton, 1986; Hoàng Vũ Quang, 2016; Saraban, 2015); sự tham gia tích cực của thành viên vào quá trình ra quyết định, quản lý và sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã (Garnevska & cộng sự, 2011; Bratton, 1986); hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên (Chu Tiến Quang, 2012); sự hỗ trợ từ bên ngoài, bao gồm của cả nhà nước, các tổ chức phát triển và tư nhân (Garnevska & cộng sự, 2011).

Chính phủ Việt Nam có chính sách khuyến khích hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi giá trị (hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản) với các tác nhân trong chuỗi giá trị (Chính phủ, 2018; Thủ tướng, 2018). Theo Kaplinsky (1999), chuỗi giá trị là những hoạt động cần thiết để biến một sản phẩm hoặc một dịch vụ từ lúc còn là khái niệm, thông qua các giai đoạn sản xuất khác nhau (bao gồm một kết hợp giữa sự biến đổi vật chất và đầu vào các dịch vụ sản xuất khác nhau) đến khi phân phối đến tay người tiêu dùng cuối cùng và vứt bỏ sau khi đã sử dụng. Có nhiều hình thức liên kết chuỗi giá trị như thỏa thuận miệng (Hoàng Vũ Quang, 2021), hợp đồng liên kết sản xuất và hợp nhất quyền sở hữu (Rehber, 1998). Theo mức độ kiểm soát quá trình sản xuất nông nghiệp, Catelo & Costales (2008) phân chia ra 4 loại hợp đồng liên kết sản xuất gồm liên kết bao tiêu sản phẩm, liên kết chiến lược, liên kết sản xuất và bao tiêu và liên kết chuỗi khép kín. Trong cả 4 hình thức liên kết này đều có bao tiêu sản phẩm.

Nhiều chính sách đã được Chính phủ ban hành nhằm hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị (LKCGT). Nhiều nghiên cứu đã đánh giá về liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản ở Việt Nam (Lê Trọng Hải, 2012; Nguyễn Trung Đông, 2017; Nguyễn Tiến Định & Hoàng Vũ Quang, 2016; Hoàng Vũ Quang, 2018; Nguyễn Việt Tuấn, 2012; Hoàng Vũ Quang & cộng sự, 2018). Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chủ yếu đi vào phân tích các tác nhân tham gia liên kết, cơ chế điều phối, vai trò của các tác nhân, trong đó có hợp tác xã trong liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Vì vậy, bài viết này sẽ đề cập đến một khía cạnh khác của liên kết chuỗi giá trị với sự tham gia của hợp tác xã nông nghiệp là ảnh hưởng của liên kết chuỗi giá trị đến sự phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam nhằm khẳng định việc hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị là một cách tiếp cận phù hợp để phát triển bền vững hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Kết quả trình bày trong bài viết này dựa trên số liệu từ điều tra 64 hợp tác xã nông nghiệp thuộc 17 tỉnh và thành phố: Hà Giang, Sơn La, Bắc Giang, Yên Bái, Nam Định, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bình Thuận, Bình Phước, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, An Giang, Bến Tre, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Thành phố Hồ Chí Minh. Các tỉnh và thành phố được lựa chọn đại diện cho các vùng kinh tế - xã hội, đại diện cho sản xuất nông nghiệp của vùng và có nhiều mô hình hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản.

Trong số 64 hợp tác xã khảo sát, có 38 hợp tác xã có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (gọi tắt là hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị) và 26 hợp tác xã không tham gia liên kết chuỗi giá trị. Các hợp tác xã khảo sát đại diện cho các nhóm sản phẩm chủ yếu của Việt Nam như lúa, rau màu, cây công nghiệp dài ngày, sản phẩm chăn nuôi (lợn, gia cầm, bò), lâm nghiệp và thủy sản. Số lượng hợp tác xã phân theo nhóm sản phẩm và hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị và không liên kết chuỗi giá trị được trình bày ở Bảng 1.

Ngoài ra, mỗi hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị chọn 5 hộ thành viên đại diện để lấy ý kiến đánh giá vai trò của hợp tác xã trong thực hiện liên kết chuỗi giá trị. Hộ được chọn ngẫu nhiên. Tuy nhiên, 15 phiếu điều tra hộ do không đầy đủ thông tin nên chỉ có 175 phiếu của hộ thành viên được sử dụng để tính toán số liệu.

Thông tin thu thập từ hợp tác xã và từ hộ nông dân được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn và thông qua phỏng vấn trực tiếp cán bộ đứng đầu hợp tác xã và đại diện hộ nông dân. Việc thu thập thông tin được thực hiện từ tháng 7/2018 đến tháng 7/2019. Thông tin điều tra từ hợp tác xã và hộ nông dân khá phong phú. Tuy nhiên, các nội dung điều tra hợp tác xã nông nghiệp trình bày trong bài báo này bao gồm: sản phẩm chủ yếu của hợp tác xã, quy trình thực hành sản

Bảng 1: Số lượng hợp tác xã khảo sát phân theo nhóm sản phẩm và liên kết chuỗi giá trị

#	Nhóm sản phẩm	HTX có LKCGT	HTX không LKCGT	Tổng
1	Lúa	4	3	7
2	Rau	4	1	5
3	Cây công nghiệp dài ngày	3	3	6
4	Trái cây	4	2	6
5	Chăn nuôi	8	7	12
6	Lâm nghiệp	7	4	11
7	Thủy sản	8	6	14
	Tổng số	38	26	64

xuất hợp tác xã áp dụng, các khoản đầu tư ứng trước, chi trả của doanh nghiệp cho hợp tác xã và hộ thành viên, các hoạt động hợp tác xã thực hiện trong liên kết chuỗi giá trị, ý kiến đánh giá về vai trò của hợp tác xã với thành viên, các chính sách hỗ trợ mà hợp tác xã nhận được từ nhà nước. Đối với hộ nông dân, bài báo này chỉ sử dụng nội dung ý kiến đánh giá của hộ nông dân với hợp tác xã trong thực hiện liên kết.

Trong nghiên cứu này, hợp tác xã liên kết chuỗi giá trị nông sản khi hợp tác xã có ký hợp đồng liên kết sản xuất với doanh nghiệp về sản xuất và tiêu thụ nông sản. Phần lớn các chỉ tiêu trong bài viết này được tính trung bình cho nhóm hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị do chỉ tiêu chỉ liên quan đến hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị. Phân tích theo 2 nhóm hợp tác xã có và không có liên kết chuỗi giá trị chỉ thực hiện trong phần phân tích về thụ hưởng chính sách. Phân tích các chỉ tiêu liên quan đến hộ nông dân chỉ thực hiện với các thành viên hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị để đánh giá vai trò của hợp tác xã trong thực hiện liên kết chuỗi giá trị. Phần mềm STATA 16 được sử dụng để xử lý số liệu điều tra và phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu điều tra.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Liên kết chuỗi giá trị mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã

Trước khi thực hiện Luật hợp tác xã năm 2012, phần lớn các hợp tác xã nông nghiệp tập trung vào các hoạt động phục vụ sản xuất nông nghiệp như cung cấp đầu vào và dịch vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó chủ yếu là dịch vụ thủy nông do đặc thù cơ sở hạ tầng phục vụ tưới tiêu đã được giao cho các hợp tác xã quản lý. Ít hợp tác xã tham gia vào các hoạt động sau sản xuất, hoạt động có nhiều giá trị gia tăng như sơ chế, bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm. Trong những năm qua, tỷ lệ hợp tác xã có mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đã tăng đáng kể. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến năm 2018, cả nước đã có 21% hợp tác xã liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2019). Khi tham gia vào liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp, hợp tác xã có cơ hội để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hợp tác xã có khả năng mở rộng hoạt động sản xuất do:

- Khi liên kết, các doanh nghiệp thường yêu cầu hợp tác xã sản xuất theo một tiêu chuẩn, một quy trình sản xuất bền vững (gọi tắt là GAP) nhất định như SRP, VietGAP, GlobalGAP trong sản xuất lúa, ASC, MSC với tôm, UTZ, 4C với cà phê, v.v. Trong các quy trình này thường có yêu cầu tiêu chuẩn với vật tư đầu vào (con giống, cây giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật,..) và yêu cầu về biện pháp kỹ thuật áp dụng. Để đáp ứng yêu cầu chất lượng vật tư đầu vào sản xuất và chất lượng sản phẩm đầu ra, hợp tác xã tổ chức mua chung vật tư, dịch vụ và tổ chức tập huấn, hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất GAP cho thành viên. Ví dụ, hợp tác xã Thanh Giang (An Giang) mua lúa giống xác nhận và phân phối lại cho thành viên. Hợp tác xã Mỹ Đông 2 (Đồng Tháp) tổ chức thuê dịch vụ phun thuốc bằng máy bay cho hộ thành viên. Hoặc hợp tác xã rau Tự Nhiên (Sơn La) để liên kết sản xuất và bán rau trực tiếp cho siêu thị, doanh nghiệp phân phối thì hợp tác xã đã phải tổ chức phân loại rau, làm sạch, đóng gói. Điều đó tạo ra các hoạt động mới cho hợp tác xã.

- Khi liên kết với doanh nghiệp (DN), hợp tác xã được doanh nghiệp ủy quyền cho thực hiện một số hoạt động. Tức là doanh nghiệp chuyển một phần hoạt động của doanh nghiệp cho hợp tác xã thực hiện. Ví dụ, Công ty Lộc Trời đã ủy quyền cho hợp tác xã liên kết với công ty trong thu mua, vận chuyển thóc. Công ty

Dalatmilk ủy quyền cho hợp tác xã Đơn Dương tổ chức thu gom sữa của các hộ thành viên hợp tác xã để bán lại cho công ty. Công ty Agricom ủy quyền cho hợp tác xã Vinacam làm đại lý cho công ty trong việc thu mua lúa của hộ nông dân trên địa bàn một số xã ở huyện Tri Tôn.

- Nhà nước hỗ trợ. Khi tham gia liên kết chuỗi, hợp tác xã có thể nhận được hỗ trợ của nhà nước để triển khai các hoạt động mới hoặc mở rộng, cải thiện các hoạt động hợp tác xã đang triển khai. Ví dụ, các hợp tác xã ở đồng bằng sông Cửu Long trong dự án VnSAT được nhà nước hỗ trợ xây dựng kho chứa để thu mua và bảo quản lúa.

Kết quả khảo sát các hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị cho thấy 57,9% hợp tác xã khẳng định rằng liên kết chuỗi giá trị đã giúp hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Liên kết đã giúp hợp tác xã có cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho thành viên và không phải thành viên về vật tư đầu vào; dịch vụ sản xuất; đào tạo hướng dẫn nâng cao năng lực cho thành viên; thu hoạch, vận chuyển nông sản; sơ chế, bảo quản, giết mổ; chế biến nông sản; thương mại nông sản (thu gom và phân phối) (Bảng 2).

Bảng 2: Tỷ lệ hợp tác xã đánh giá liên kết chuỗi giá trị đã giúp hợp tác xã mở rộng hoạt động

#	Hoạt động	% HTX
1	Cung ứng vật tư đầu vào SX	39,5
2	Tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực SX	57,9
3	Cung ứng dịch vụ SX	7,9
4	Thu hoạch, vận chuyển	28,9
5	Sơ chế, bảo quản, giết mổ	34,2
6	Chế biến sản phẩm	13,2
7	Thu gom, phân loại	55,5
8	Phân phối	26,3

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra năm 2018-2019.

3.2. Liên kết chuỗi giá trị tăng nguồn thu của hợp tác xã

Liên kết chuỗi giá trị giúp cải thiện doanh thu, lợi nhuận của hợp tác xã. Sự cải thiện thu nhập của hợp tác xã đến từ 3 nguồn :

Thứ nhất, hợp tác xã được doanh nghiệp trả tiền cho việc triển khai liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp. Kết quả điều tra hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị cho thấy 44,7% hợp tác xã được doanh nghiệp trả tiền cho việc triển khai liên kết chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hộ nông dân. Để triển khai liên kết chuỗi giá trị, cán bộ quản lý hợp tác xã phải thực hiện nhiều hoạt động như: vận động thành viên tham gia; tổ chức các cuộc họp để thảo luận, thống nhất với thành viên về các điều kiện liên kết với doanh nghiệp, quy trình sản xuất áp dụng; tổ chức ký hợp đồng; nhận vật tư, tiền ứng trước từ doanh nghiệp và phân chia lại cho thành viên; tổ chức tập huấn cho thành viên; thanh toán công nợ với doanh nghiệp và thành viên; hướng dẫn, giám sát thành viên thực hiện đúng quy trình sản xuất và hợp đồng. Các hoạt động này đòi hỏi cán bộ hợp tác xã phải làm việc nhiều trong khi nhiều hợp tác xã không có nguồn lực tài chính để trả thù lao đúng với công lao động của cán bộ hợp tác xã. Do vậy, để đảm bảo cán bộ hợp tác xã triển khai thực hiện tốt các công việc, doanh nghiệp thường trả cho hợp tác xã một phần tiền cho các công việc triển khai thực hiện liên kết chuỗi giá trị. Khoản tiền này thường được tính trên khối lượng sản phẩm mà đối tác thu mua từ hợp tác xã và mức trả tùy thuộc vào đối tác, vào chất lượng sản phẩm, vào mức độ phức tạp của quy trình kỹ thuật sản xuất áp dụng. Ví dụ, các doanh nghiệp lúa gạo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long khi liên kết chuỗi giá trị với hợp tác xã thường trả cho hợp tác xã từ 10-20 đồng/kg thóc mà doanh nghiệp mua từ hợp tác xã.

Thứ hai, hợp tác xã được trả tiền hoa hồng từ đơn vị cung cấp vật tư, dịch vụ cho hợp tác xã. Khi thực hiện liên kết chuỗi giá trị, hợp tác xã có thể phải tổ chức cung cấp vật tư, dịch vụ cho thành viên để đảm bảo vật tư đúng theo yêu cầu, đảm bảo sản phẩm sản xuất ra có chất lượng theo thỏa thuận với doanh nghiệp. Trong trường hợp này, các đơn vị cung cấp vật tư đầu vào, dịch vụ thường trả tiền hoa hồng cho các hợp tác xã. Mức hoa hồng tùy theo sản phẩm, địa bàn. Nghiên cứu của Hoàng Vũ Quang & cộng sự (2016) chỉ ra rằng

hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long nhận được tiền hoa hồng từ 3-5% tổng giá trị vật tư từ đối tác cung cấp vật tư cho hợp tác xã. Kết quả khảo sát trong nghiên cứu này cho thấy 28,9% hợp tác xã đã nhận được tiền hoa hồng từ đối tác cung cấp vật tư, dịch vụ đầu vào. Tiền hoa hồng này thường được các hợp tác xã đưa vào quỹ của hợp tác xã hoặc trích một phần để giảm giá đầu vào, dịch vụ cho hộ thành viên.

Thứ ba, thu nhập của hợp tác xã được cải thiện nhờ các hoạt động mới của hợp tác xã. liên kết chuỗi giá trị đã giúp hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ. Do đó, nguồn thu và lợi nhuận của hợp tác xã cũng tăng thêm. Ví dụ, khi hợp tác xã Vinacam thực hiện mua thu thóc cho công ty Agricom thì hợp tác xã được công ty trả phí, tính theo khối lượng thóc mua.

3.3. Liên kết chuỗi giá trị nâng cao năng lực cán bộ hợp tác xã

60,5% hợp tác xã đánh giá rằng liên kết chuỗi giá trị đã giúp nâng cao năng lực của cán bộ hợp tác xã. Năng lực của cán bộ hợp tác xã được cải thiện nhờ: (i) được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản lý hợp tác xã, kiến thức về kỹ thuật sản xuất; (ii) Học thông qua thực hành các công việc trong liên kết như xây dựng phương án, thuyết phục người dân, huy động vốn,..Trong nhiều trường hợp, có sự hỗ trợ của cán bộ tư vấn; (iii) Được nhà nước hỗ trợ tăng cường cán bộ có trình độ để quản lý hợp tác xã hoặc làm cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã. Ví dụ như các hợp tác xã ở đồng bằng sông Cửu Long tham gia Đề án xây dựng hợp tác xã kiểu mới theo Quyết định 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Thủ tướng, 2016) được hỗ trợ một cán bộ kỹ thuật; (iv) hợp tác xã được doanh nghiệp cử cán bộ tham gia quản lý, hỗ trợ quản lý hợp tác xã như trường hợp hợp tác xã An Bình với công ty Lộc Trời (An Giang); (v) hợp tác xã phải tìm kiếm thuê mướn giám đốc có đủ năng lực để triển khai các hoạt động thương mại, liên kết chuỗi giá trị.

Kết quả khảo sát cho thấy ở hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị, 72,2% chủ tịch Hội đồng quản trị có trình độ chuyên môn từ đạo tạo sơ cấp trở lên, trong đó trình độ đại học chiếm đến 27,8%. Trong khi đó, ở các hợp tác xã không tham gia liên kết chuỗi giá trị chỉ có 25% chủ tịch Hội đồng quản trị có trình độ đạo tạo sơ cấp, còn lại 75% hợp tác xã chủ tịch hội đồng quản trị không có trình độ chuyên môn. Tương tự, với vị trí giám đốc hợp tác xã, 80% giám đốc hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi giá trị có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong khi ở các hợp tác xã không liên kết chuỗi giá trị thì không một giám đốc hợp tác xã nào có trình độ đại học. Trong khi người đứng đầu hợp tác xã có vai trò rất quan trọng trong hiệu quả hoạt động của hợp tác xã (Garnevska & cộng sự, 2011; Bratton, 1986; Hoàng Vũ Quang & cộng sự, 2016; Saraban, 2015) thì việc tham gia liên kết chuỗi giá trị là một yếu tố quan trọng trong việc cải thiện năng lực của người đứng đầu hợp tác xã và góp phần vào cải thiện hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp.

3.4. Liên kết chuỗi giá trị nâng cao vai trò của hợp tác xã với thành viên

Kết quả khảo sát cho thấy 73,7% hợp tác xã đánh giá là tham gia liên kết chuỗi giá trị giúp nâng cao vai trò, uy tín của hợp tác xã với thành viên. Vai trò của hợp tác xã với thành viên tăng lên do:

Thứ nhất, hợp tác xã tổ chức cung cấp vật tư đầu vào, dịch vụ sản xuất, đào tạo nâng cao kỹ năng sản xuất cho thành viên và quan trọng hơn là tổ chức để tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. Tiêu thụ sản phẩm cho

Bảng 3: Tỷ lệ thành viên đánh giá hợp tác xã thực hiện tốt hoặc rất tốt vai trò trong liên kết chuỗi giá trị

#	Vai trò	% thành viên hợp tác xã khảo sát
1	Đại diện hộ thành viên đàm phán và ký hợp đồng	94,8
2	Xử lý tranh chấp giữa hộ với đối tác	90,2
3	Tiếp nhận và thu hồi đầu tư ứng trước của đối tác	93,4
4	Đại diện hộ thành viên để thanh quyết toán với đối tác liên kết	93,6
5	HTX tổ chức cung cấp vật tư, dịch vụ đầu vào sản xuất	95,6
6	Số lượng/ chủng loại vật tư, dịch vụ đầu vào	74,0
7	Chất lượng dịch vụ do HTX cung cấp	93,2
8	Giá cả vật tư, dịch vụ do HTX cung cấp	76,0
9	Hướng dẫn, giám sát hộ thực hiện quy trình kỹ thuật	85,0
10	Cung cấp tín dụng nội bộ cho hộ thành viên	87,3

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra năm 2018-2019.

thành viên là nhu cầu, mong đợi lớn từ thành viên với hợp tác xã. Điều này được khẳng định qua điều tra hộ thành viên đối với vai trò của hợp tác xã trong thực hiện liên kết chuỗi giá trị. Kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ rất cao thành viên hợp tác xã đánh giá hợp tác xã đã thực hiện tốt hoặc rất tốt vai trò trong liên kết chuỗi giá trị như trình bày ở Bảng 3.

Thứ hai, việc hợp tác xã tổ chức liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp mang lại nhiều lợi ích cho thành viên. Kết quả khảo sát các hợp tác xã được trình bày ở Bảng 4 cho thấy phần lớn các hợp tác xã đánh giá rằng liên kết chuỗi giá trị mang lại lợi ích cho thành viên. Các lợi ích từ liên kết chuỗi giá trị như tăng năng suất cây trồng vật nuôi, tăng chất lượng sản phẩm, tăng giá bán sản phẩm, tăng quy mô sản xuất và có thị trường tiêu thụ sản phẩm thuận lợi. Chỉ tiêu tổng hợp phản ánh lợi ích của liên kết chuỗi giá trị với hộ thành viên là lợi nhuận trên một đơn vị sản xuất. Theo đó, liên kết chuỗi giá trị đã tăng thêm 19,4% lợi nhuận của một đơn vị sản xuất so với sản xuất không có liên kết tiêu thụ sản phẩm. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với một số nghiên cứu khác là liên kết chuỗi giá trị làm tăng thu nhập của hộ nông dân (Hoàng Vũ Quang & cộng sự, 2016; Phạm Quốc Trị & cộng sự, 2018; Nguyễn Tiến Định & cộng sự, 2018).

Chỉ một phần rất nhỏ hợp tác xã cho rằng liên kết chuỗi giá trị làm giá bán sản phẩm thấp hơn, hoặc thị trường sản phẩm kém hơn hoặc lợi nhuận thấp hơn. Đây thường là các trường hợp hoặc người sản xuất không tuân thủ quy trình sản xuất dẫn đến sản phẩm không đạt chất lượng yêu cầu nên doanh nghiệp không thu mua và hộ phải bán sản phẩm theo giá thị trường trong khi phải đầu tư nhiều hơn khi liên kết chuỗi giá trị hoặc xảy ra khi doanh nghiệp không thực hiện đúng hợp đồng, ảnh hưởng đến việc bán sản phẩm của hộ gia đình. 20% hợp tác xã đánh giá rằng liên kết làm tăng chi phí sản xuất. Điều này có thể xảy ra do yêu cầu phải áp dụng các vật tư đầu vào có chất lượng cao nên giá mua cao. Ví dụ, trong sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ yêu cầu sử dụng giống hữu cơ, phân bón hữu cơ, hóa chất bảo vệ hữu cơ. Các vật tư này đắt hơn vật tư bình thường hoặc hộ phải chi phí thêm để áp dụng các biện pháp an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường.

Bảng 4: Ảnh hưởng của liên kết chuỗi giá trị đối với sản xuất của hộ thành viên

Đơn vị tính: % hợp tác xã

#	Chỉ tiêu	Sự thay đổi			Mức thay đổi	
		Không đổi	Cao hơn/đẹp hơn/tốt hơn	Thấp hơn/kém hơn	Mức cao hơn	Mức thấp hơn
1	Năng suất cây trồng, vật nuôi	64,5	35,5	0,0	22,4	-
2	Chất lượng sản phẩm	18,8	81,3	0,0	-	-
3	Thay đổi về nhãn mác	40,0	60,0	0,0	-	-
4	Thay đổi về chi phí sản xuất	50,0	30,0	20,0	37,3	7,5
5	Giá bán sản phẩm	24,2	72,7	3,0	11,3	-
6	Lợi nhuận/đơn vị sản xuất	12,5	81,3	6,3	19,4	-
7	Quy mô sản xuất	86,2	13,8	0,0	14,3	-
8	Thị trường sản phẩm	22,2	74,1	3,7	-	-
9	Trình độ kỹ thuật sản xuất của hộ thành viên	17,9	82,1	0,0	-	-

Chi chú: (-) không áp dụng

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra năm 2018-2019.

3.5. Liên kết chuỗi giá trị tạo thuận lợi hơn cho hợp tác xã trong tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước

Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi giá trị như tín dụng ưu đãi, hỗ trợ xây dựng dự án liên kết, hỗ trợ hạ tầng phục vụ sản xuất, hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (Chính phủ, 2018). Ngoài ra, một số chính sách hỗ trợ hợp tác

xã nhưng gắn với điều kiện là hợp tác xã phải tham gia liên kết chuỗi giá trị như chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp (Thủ tướng, 2019), chính sách hỗ trợ áp dụng GAP (Thủ tướng, 2012). Kết quả khảo sát cho thấy hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi giá trị nhận được hỗ trợ từ Nhà nước nhiều hơn các hợp tác xã không tham gia liên kết chuỗi giá trị như trình bày ở Bảng 5. Như vậy, có thể kết luận liên kết chuỗi giá trị tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã thụ hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.

Bảng 5: Chính sách hỗ trợ các hợp tác xã nhận được từ nhà nước

#	Chính sách	Đơn vị tính	HTX có LKCGT (a)	HTX không LKCGT (b)	Khác nhau (a-b)
1	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ mua máy móc, thiết bị sản xuất kinh doanh	%	42,1	20,8	21,3
2	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ áp dụng quy trình GAP	%	42,4	28,6	13,9
3	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ vật tư đầu vào để áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới	%	16,7	10,5	6,1
4	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ chế biến sản phẩm	%	27,3	5,3	22,0
5	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ sơ chế, bảo quản, lưu trữ sản phẩm	%	22,9	10,0	12,9
6	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm	%	32,4	5,6	26,8
7	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm	%	64,7	23,8	40,9
8	Tỷ lệ HTX được hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	%	43,2	25,0	18,2
9	Tỷ lệ HTX được vay ưu đãi vốn từ Quỹ phát triển HTX	%	21,1	4,0	17,1
10	Số tiền trung bình được vay từ Quỹ Phát triển HTX	Triệu đồng	721,4	300,0	421,4
11	Tỷ lệ HTX được vay ưu đãi từ nguồn vốn khác	%	23,3	10,0	13,3
12	Số tiền trung bình được vay từ nguồn vốn khác	Triệu đồng	1556,7	1550,0	6,7

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra năm 2018-2019.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã khẳng định tham gia liên kết chuỗi giá trị nông sản tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã nông nghiệp phát triển, hoạt động hiệu quả. Vai trò của liên kết chuỗi giá trị đối với sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp được thể hiện trên 5 khía cạnh: liên kết chuỗi giá trị giúp hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng nguồn thu, lợi nhuận của hợp tác xã; Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý hợp tác xã và kỹ năng sản xuất của thành viên; Nâng cao vị thế, vai trò của hợp tác xã với thành viên, tạo điều kiện thu hút thành viên tham gia hoạt động của hợp tác xã, mở rộng quy mô hợp tác xã; Tạo thuận lợi cho hợp tác xã trong thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho hợp tác xã. Do đó, việc thực hiện các chính sách, giải pháp để đẩy mạnh hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi giá trị là một con đường hiệu quả để phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bijman J., Muradian R. & Cechin A. (2011), 'Agricultural cooperatives and value chain coordination', in *Value Chains, Social Inclusion and Economic Development: Contrasting Theories and Realities*. Helmsing, A.H.J. & Vellema, S. (ed.), Routledge, London and New York, NY, 82-101.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019), *Báo cáo ngày 20 tháng 7 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình bày tại Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế*

tập thể trong nông nghiệp.

Bratton Michael (1986), 'Farmer orgs and food production in Zimbabwe', *World Development*, 14(3), 367-384.

Catelo, M.A.O. & Costales A. (2008), 'Contract Farming and Other Market Institutions as Mechanisms for Integrating Smallholder Livestock Producers in the Growth and Development of the Livestock Sector in Developing Countries', PPLPI Working Paper No. 45.

Chính phủ (2018), *Nghị định số 98/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*, ban hành ngày 5 tháng 7 năm 2018.

Chu Tiến Quang (2012), *Vai trò và giải pháp nâng cao vai trò của hợp tác xã đối với thành viên trong nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Đặng Kim Sơn (2007), 'Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã ở Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc', Tổng hợp tư liệu và dịch thuật của Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Fischer E., & Qaim M. (2012), 'Linking smallholders to markets: determinants and impact of farmers collective action in Kenya', *World Development*, 40(6), 1255-1268.

Garnevska E., Liu G. & Shadbolt N. (2011), 'Factors for successful development of farmer cooperatives in Northwest China', *International Food and Agribusiness Management Review*, 14(4), 69-84.

Hoàng Vũ Quang (2016), *Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp phát triển hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hoàng Vũ Quang (2018), 'Vai trò hợp tác xã nông nghiệp trong hỗ trợ hộ chăn nuôi tham gia chuỗi giá trị sữa', *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 8/2018, 20-27.

Hoàng Vũ Quang (2019), 'Kinh nghiệm quốc tế về phát triển hợp tác xã nông nghiệp', *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 15/2019, 3-10.

Hoàng Vũ Quang (2021), *Nghiên cứu đề xuất mô hình hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với từng nhóm sản phẩm nông, lâm thủy sản ở các vùng, miền khác nhau*, Báo cáo nghiên cứu đề tài cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn.

Hoàng Vũ Quang, Nguyễn Tiến Định, Ngô Sỹ Đạt, Hoàng Minh Huy & Nguyễn Văn Ba (2016), *Phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác phục vụ liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa gạo gắn với cánh đồng lớn tại 4 tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang*, Báo cáo kết quả nghiên cứu cho dự án "Chương trình phát triển tổng hợp ven biển ICMP/GIZ".

Hoàng Vũ Quang, Nguyễn Văn Ba & Hoàng Minh Huy (2018), *Thực trạng và giải pháp phát triển chuỗi giá trị sữa, tỉnh Lâm Đồng*, Báo cáo kết quả nghiên cứu cho Dự án phát triển hợp tác xã Việt Nam.

Kaplinsky R. (1999), 'Globalization and Unequalization: What can be learned from value chain analysis', *Journal of Development Studies*, 37(2), 117-146.

Lê Trọng Hải (2012), *Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác giữa hợp tác xã, tổ nhóm với các tác nhân phát triển chuỗi giá trị một số sản phẩm nông sản ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2011.

Nguyễn Tiến Định & Hoàng Vũ Quang (2016), 'Vai trò hợp tác xã nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long', *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 24, 14-20.

Nguyễn Tiến Định, Phạm Quốc Trị & Hoàng Vũ Quang (2018), *Thực trạng và giải pháp phát triển chuỗi giá trị nho tỉnh Ninh Thuận*, Báo cáo nghiên cứu cho Dự án Phát triển hợp tác xã Việt Nam.

Nguyễn Trung Đông (2017), *Nghiên cứu đề xuất mô hình và chính sách, giải pháp phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất – tiêu thụ sản phẩm ngành chăn nuôi ở Việt Nam*, Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2017.

Nguyễn Viết Tuấn (2012), 'Nghiên cứu đặc điểm và mối liên kết của các tác nhân trong chuỗi giá trị sản ở Thừa Thiên Huế', *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 71(2), 299-308.

Ortmann G. F. & King R.P. (2007), 'Agricultural cooperatives II: Can they facilitate access of small-scale farmers in South Africa to input and product markets?' *Agrekon*, 46(2), 219-244

-
- Phạm Quốc Tri, Nguyễn Tiến Định & Hoàng Vũ Quang (2018), *Thực trạng và giải pháp phát triển chuỗi giá trị thanh long tỉnh Ninh Thuận*, Báo cáo nghiên cứu cho Dự án Phát triển hợp tác xã Việt Nam.
- Phan Trọng An (2010), *Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Nhật Bản và bài học rút ra cho Việt Nam*, truy cập lúc 17h00 ngày 01 tháng 5 năm 2019 tại <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Kinh-nghiem-phat-trien-hop-tac-xa-nong-nghiep-o-Nhat-Ban-va-bai-hoc-rut-ra-cho-Viet-Nam-34338.html>.
- Rehber E. (1998), 'Vertical Integration in Agriculture and Contract Farming', Working paper #46: Food Marketing Policy Center, University of Connecticut.
- Saraban V. H. (2015), 'An analysis on the effective factors on success rural production cooperatives in iran, the case study – Ardabil', *International Journal of Community and Cooperative Studies*, 3(3), 50-55.
- Stockbredge M., Dorward A., Kydd J., Morrison J. & Poole N. (2003), 'Farmer organization for market access', *International Review*, Briefing paper.
- Thapa G. & Gaiha R. (2011), 'Smallholder farming in Asia and the Pacific: Challenges and Opportunities', Paper presented at the IFAD conference on *New Directions for Smallholder Agriculture*, University of Delhi, New Delhi, 24 January 2011.
- Thủ tướng (2012), *Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*, ban hành ngày 9 tháng 1 năm 2012.
- Thủ tướng (2016), *Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020”*, ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016.
- Thủ tướng (2018), *461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020*, ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2018.
- Thủ tướng (2018), *Quyết định số 461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020*, ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2018.